

**BỘ THÔNG TIN VÀ
TRUYỀN THÔNG**

Số: 20/2021/TT-BTTTT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 03 tháng 12 năm 2021

THÔNG TƯ

**SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THÔNG TƯ SỐ 09/2013/TT-BTTTT NGÀY 08 THÁNG 4 NĂM 2013
CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG BAN HÀNH DANH MỤC SẢN
 PHẨM PHẦN MỀM VÀ PHẦN CỨNG, ĐIỆN TỬ**

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006:

*Căn cứ Nghị định số 71/2007/NĐ-CP ngày 03 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định
chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Công nghệ thông tin về công nghiệp công
nghệ thông tin;*

*Căn cứ Nghị định số 17/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy
định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;*

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Công nghệ thông tin,

*Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư
số 09/2013/TT-BTTTT ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông
ban hành Danh mục sản phẩm phần mềm và phần cứng, điện tử.*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 09/2013/TT-BTTTT ngày 08 tháng 4 năm 2013
của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Danh mục sản phẩm phần mềm và
phần cứng, điện tử như sau:**

1. Thay thế Phụ lục số 01 Danh mục sản phẩm phần mềm tại Thông tư số 09/2013/TT-BTTTT ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông bằng Phụ lục 01 Danh mục sản phẩm phần mềm ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 2. Hiệu lực thi hành và quy định chuyển tiếp

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 02 tháng 02 năm 2022.

2. Các sản phẩm phần mềm đã được xác định thuộc Danh mục sản phẩm phần mềm trước ngày có hiệu lực của Thông tư này thì tiếp tục được áp dụng theo đúng mục đích của Danh mục tại Thông tư số 09/2013/TT-BTTTT ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

1. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Công nghệ thông tin, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Thông tin và Truyền thông để bổ sung, sửa đổi cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Quốc hội;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Sở TTTT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các Hiệp hội CNTT;
- Công báo; Công TTĐT Chính phủ;
- Bộ TTTT: Bộ trưởng và các Thứ trưởng;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ; Công TTĐT Bộ;
- Lưu: VT, CNTT.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Mạnh Hùng

PHỤ LỤC SỐ 01

DANH MỤC SẢN PHẨM PHẦN MỀM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 20/2021/TT-BTTTT ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

STT					Tên sản phẩm	Mã sản phẩm
1					Sản phần phần mềm	
	1				Nhóm Phần mềm hệ thống (System software)	01000000
		1			Hệ điều hành (Operating system software)	01010000
			1		Hệ điều hành máy chủ (Server operating system software)	01010100
			2		Hệ điều hành máy trạm/máy tính cá nhân để bàn (Desktop/client operating system software)	01010200
			3		Hệ điều hành dùng cho thiết bị di động cầm tay (Operating system software for portable devices)	01010300
			4		Hệ điều hành dùng cho thiết bị số khác (Other operating system software)	01010400
		2			Phần mềm mạng (Network software)	01020000
			1		Phần mềm quản trị mạng (Network management software)	01020100
				1	Phần mềm giám sát mạng (Network monitoring software)	01020101
				2	Phần mềm tăng cường hệ thống điều hành mạng (Network operating system enhancement software)	01020102
				3	Phần mềm quản lý mạng quang (Optical network management software)	01020103

				4	Phần mềm quản trị (Administration software)	01020104
				5	Phần mềm hệ thống đa phương tiện theo giao thức Internet (Internet protocol IP multimedia subsystem software)	01020105
			2		Phần mềm kết nối mạng (Networking software)	01020200
				1	Phần mềm truy cập (Access software)	01020201
				2	Phần mềm máy chủ truyền thông (Communications server software)	01020202
				3	Phần mềm mạng cục bộ LAN (LAN software)	01020203
				4	Phần mềm Multiplexer (Multiplexer software)	01020204
				5	Phần mềm mạng lưu trữ (Storage networking software)	01020205
				6	Phần mềm Switch hoặc router (Switch or router software)	01020206
				7	Phần mềm chuyển mạch WAN và firmware (WAN switching software and firmware)	01020207
				8	Phần mềm không dây (Wireless software)	01020208
				9	Phần mềm mô phỏng thiết bị đầu cuối (Network connectivity terminal emulation software)	01020209
				10	Phần mềm cổng kết nối (Gateway software)	01020210
				11	Phần mềm cầu nối (Bridge software)	01020211
				12	Phần mềm modem (Modem software)	01020212
				13	Phần mềm kết nối liên thông nền tảng (Platform interconnectivity software)	01020213

				14	Phần mềm IrDA truyền dữ liệu hồng ngoại (Infrared data transfer IrDA software)	01020214
				15	Phần mềm quản lý thiết bị IoT (IoT Device Management Software)	01020215
			3		Phần mềm ứng dụng mạng (Network applications software)	01020300
				1	Phần mềm máy chủ ứng dụng (Application server software)	01020301
				2	Phần mềm truyền thông máy tính để bàn (Desktop communications software)	01020302
				3	Phần mềm trả lời tương tác giọng nói (Interactive voice response software)	01020303
				4	Phần mềm dịch vụ thư mục Internet (Internet directory services software)	01020304
				5	Phần mềm trình duyệt Internet (Internet browser software)	01020305
			4		Phần mềm bảo mật và bảo vệ (Security and protection software)	01020400
				1	Phần mềm máy chủ xác thực (Authentication server software)	01020401
				2	Phần mềm quản lý an ninh mạng hoặc mạng riêng ảo VPN (Network security or virtual private network VPN management software)	01020402
				3	Phần mềm thiết bị mạng riêng ảo (VPN) và an ninh mạng (Network security and virtual private network VPN equipment software)	01020403
				4	Phần mềm chống virus và an ninh giao dịch (Transaction security and virus protection software)	01020404

			5	Phần mềm bảo mật và bảo vệ khác (Other security and protection software)	01020405
			5	Phần mềm máy chủ (Server software)	01020500
			6	Phần mềm trung gian (Middleware)	01020600
			7	Phần mềm mạng khác (Other network software)	01020700
	3			Phần mềm truy vấn và quản lý dữ liệu (Data management and query software)	01030000
			1	Phần mềm quản trị cơ sở dữ liệu máy chủ (Server database software)	01030100
			2	Phần mềm quản trị cơ sở dữ liệu máy khách (Client database software)	01030200
			3	Phần mềm phân loại hoặc danh mục (Categorization or classification software)	01030300
			4	Phần mềm phân nhóm (Clustering software)	01030400
			5	Phần mềm hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu (Database management system software)	01030500
			6	Phần mềm báo cáo cơ sở dữ liệu (Database reporting software)	01030600
			7	Phần mềm truy vấn và giao diện người dùng cơ sở dữ liệu (Database user interface and query software)	01030700
			8	Phần mềm khai phá dữ liệu (Data mining software)	01030800
			9	Phần mềm tìm kiếm hoặc truy xuất thông tin (Information retrieval or search software)	01030900
			10	Phần mềm quản lý siêu dữ liệu (Metadata)	01031000

					management software)	
			11		Phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu hướng đối tượng (Object oriented data base management software)	01031100
			12		Phần mềm máy chủ giao dịch (Transaction server software)	01031200
			13		Phần mềm phân tích dữ liệu và quản trị thông minh (Business intelligence and data analysis software)	01031300
			14		Phần mềm quản lý dữ liệu và truy vấn khác (Other data management and query software)	01031400
		4			Phần mềm nhúng (Embedded software)	01040000
			1		Phần mềm ứng dụng bảo mật (OTP, PKI, MoC sinh trắc học...) trong chip hoặc chipset	01040100
			2		Phần mềm Token FIDO2 & FIDO U2F và Soft Token	01040200
			3		Phần mềm eSIM (embedded SIM software)	01040300
			4		Phần mềm chipset Camera Trí tuệ nhân tạo	01040400
			5		Phần mềm nhúng khác (Other embedded software)	01040500
		5			Phần mềm môi trường vận hành (Operating environment software)	01050000
			1		Phần mềm hệ thống tập tin (File system software)	01050100
			2		Phần mềm firmware máy tính (Computer firmware)	01050200
			3		Phần mềm máy ảo (Virtual machine software)	01050300

			4	Phần mềm môi trường vận hành khác (Other operating environment software)	01050400
		6		Phần mềm hệ thống khác (Other system software)	01060000
	2			Nhóm Phần mềm ứng dụng (Application Software)	02000000
		1		Phần mềm soạn thảo và chỉnh sửa nội dung (Content authoring and editing software)	02010000
			1	Phần mềm xử lý văn bản (Word processor)	02010100
			2	Phần mềm bảng tính (Spreadsheet software)	02010200
			3	Phần mềm đồ họa hoặc hình ảnh (Graphics or photo imaging software)	02010300
			4	Phần mềm trình diễn (Presentation software)	02010400
			5	Phần mềm thiết kế mẫu (Pattern design software)	02010500
			6	Phần mềm tạo video và chỉnh sửa (Video creation and editing software)	02010600
			7	Phần mềm tạo trang web và chỉnh sửa (Web page creation and editing software)	02010700
			8	Phần mềm lên lịch và lập lịch (Calendar and scheduling software)	02010800
			9	Phần mềm quét và đọc ký tự quang học OCR (Optical character reader OCR or scanning software)	02010900
			10	Phần mềm xuất bản cho máy tính để bàn (Desktop publishing software)	02011000
			11	Phần mềm chỉnh sửa nội dung khác (Other	02011100

					content authoring and editing software)	
		2			Phần mềm tra cứu, tìm kiếm, từ điển (Search engine, reference application and dictionary)	02020000
			1		Phần mềm kiểm tra lỗi soạn thảo (Spell checkers)	02020100
			2		Phần mềm chỉ đường (Route navigation software)	02020200
			3		Phần mềm từ điển (Dictionary software)	02020300
			4		Phần mềm danh bạ (Phonebook software)	02020400
			5		Phần mềm tra cứu, tìm kiếm, từ điển khác (Other search engine, reference application and dictionary)	02020500
		3			Phần mềm ứng dụng đa ngành (Cross-Industry Application Software)	02030000
			1		Phần mềm kế toán tài chính và quản lý nguồn lực doanh nghiệp ERP (Finance accounting and enterprise resource planning ERP software)	02030100
				1	Phần mềm kế toán (Accounting software)	02030101
				2	Phần mềm quản lý nguồn lực ERP (Enterprise resource planning ERP software)	02030102
				3	Phần mềm khai thuế (Tax preparation software)	02030103
				4	Phần mềm phân tích tài chính (Financial analysis software)	02030104
				5	Phần mềm thanh toán và hóa đơn (Billing and Invoicing Software)	02030105
				6	Phần mềm hợp đồng điện tử (Electronic contract	02030106

					software)	
				7	Phần mềm ứng dụng đa ngành khác (Other cross-Industry Application Software)	02030107
			2		Phần mềm Cổng thông tin điện tử	02030200
			3		Phần mềm chức năng nghiệp vụ cụ thể (Business function specific software)	02030300
				1	Phần mềm quản trị dự án (Project management software)	02030301
				2	Phần mềm quản lý nhân sự (Human resource management software)	02030302
				3	Phần mềm quản lý kho (Warehouse management)	02030303
				4	Phần mềm quản lý quan hệ khách hàng (Customer relations management software)	02030304
				5	Phần mềm quản lý cơ sở vật chất (Facilities management software)	02030305
				6	Phần mềm Helpdesk hoặc trung tâm cuộc gọi (Helpdesk or call center software)	02030306
				7	Phần mềm mua sắm (Procurement software)	02030307
				8	Phần mềm chuỗi cung ứng, logistics, vật liệu (Materials requirements planning logistics and supply chain software)	02030308
				9	Phần mềm mã vạch (Bar coding software)	02030309
				10	Phần mềm làm nhãn (Label making software)	02030310
				11	Phần mềm hệ thống chuyên gia (Expert system software)	02030311

				12	Phần mềm quản lý giấy phép (License management software)	02030312
				13	Phần mềm văn phòng (Office suite software)	02030313
				14	Phần mềm bán hàng và tiếp thị (Sales and marketing software)	02030314
				15	Phần mềm gửi thư và vận chuyển (Mailing and shipping software)	02030315
				16	Phần mềm kiểm toán (Audit software)	02030316
				17	Phần mềm quản lý quy trình (Procedure management software)	02030317
				18	Phần mềm quản lý bán hàng POS (Point of sale POS software)	02030318
				19	Phần mềm quản lý văn bản quy phạm pháp luật (Legal management software)	02030319
				20	Phần mềm tuân thủ (Compliance software)	02030320
				21	Phần mềm chatbot trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence Chatbot)	02030321
			4		Phần mềm ứng dụng đa ngành khác (Other-Cross-Industry Application Software)	02030400
		4			Phần mềm ứng dụng chuyên ngành (Vertical Market Application Software)	02040000
			1		Phần mềm cho Chính phủ số	02040100
				1	Phần mềm dịch vụ công trực tuyến	02040101
				2	Phần mềm một cửa điện tử	02040102

				3	Phần mềm quản lý văn bản và điều hành công việc	02040103
				4	Phần mềm hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ	02040104
				5	Phần mềm quản lý đô thị thông minh	02040105
				6	Phần mềm khác cho Chính phủ số	02040106
			2		Phần mềm chuyên ngành Giáo dục đào tạo	02040200
				1	Phần mềm dạy học	02040201
				2	Phần mềm quản lý đào tạo	02040202
				3	Phần mềm quản lý nghiệp vụ trường học	02040203
				4	Phần mềm chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập	02040204
				5	Phần mềm thư viện	02040205
				6	Phần mềm ngoại ngữ (Foreign language software)	02040206
				7	Phần mềm đào tạo dựa trên máy tính (Computer based training software)	02040207
				8	Phần mềm giáo dục đa phương tiện (Multi media educational software)	02040208
				9	Phần mềm khác cho giáo dục đào tạo	02040209
			3		Phần mềm chuyên ngành Y tế	02040300
				1	Phần mềm phục vụ công tác phòng bệnh và chăm sóc sức khỏe	02040301
				2	Phần mềm phục vụ công tác khám, chữa bệnh	02040302

				3	Phần mềm phục vụ công tác quản trị y tế	02040303
				4	Phần mềm ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong y tế	02040304
				5	Phần mềm kết nối, quản lý thiết bị y tế	02040305
				6	Phần mềm y tế khác	02040306
			4		Phần mềm chuyên ngành quản lý tài chính, ngân hàng	02040400
				1	Phần mềm quản lý ngân sách và kế toán	02040401
				2	Phần mềm quản lý ngân quỹ/ vốn	02040402
				3	Phần mềm quản lý thông tin thống kê tài chính	02040403
				4	Phần mềm quản lý và giao dịch chứng khoán	02040404
				5	Phần mềm quản lý bảo hiểm	02040405
				6	Phần mềm quản lý thuế	02040406
				7	Phần mềm ví điện tử	02040407
				8	Phần mềm chuyên ngành Ngân hàng (bao gồm Phần mềm quản trị ngân hàng, Phần mềm ngân hàng lõi...)	02040408
				9	Phần mềm ứng dụng chuyên ngành quản lý tài chính, ngân hàng khác	02040409
			5		Phần mềm chuyên ngành Xây dựng	02040500
				1	Phần mềm hỗ trợ thiết kế	02040501
				2	Phần mềm quản lý quy hoạch	02040502
				3	Phần mềm quản lý thi công xây dựng	02040503

				4	Phần mềm chuyên ngành Xây dựng khác	02040504
			6		Phần mềm chuyên ngành Giao thông vận tải và logistics	02040600
				1	Phần mềm quản lý giám sát giao thông	02040601
				2	Phần mềm thu thập dữ liệu giao thông	02040602
				3	Phần mềm điều khiển tín hiệu giao thông	02040603
				4	Phần mềm chuỗi cung ứng, logistics, vật liệu (Materials requirements planning logistics and supply chain software)	02040604
				5	Phần mềm kết nối giữa các chủ hàng, các nhà giao vận và khách hàng	02040605
				6	Phần mềm hỗ trợ hàng không mặt đất (Aviation ground support software)	02040606
				7	Phần mềm kiểm tra hàng không (Aviation test software)	02040607
				8	Phần mềm điều khiển máy bay (Flight control software)	02040608
				9	Phần mềm chuyên ngành Giao thông vận tải và logistics khác	02040609
			7		Phần mềm chuyên ngành Thông tin và Truyền thông	02040700
				1	Phần mềm thư điện tử (Electronic mail software)	02040701
				2	Phần mềm hội nghị truyền hình (Video conferencing software)	02040702
				3	Phần mềm hội nghị qua mạng (Network conferencing software)	02040703

				4	Phần mềm nhắn tin (Instant messaging software)	02040704
				5	Phần mềm gửi tin nhắn quảng cáo hoặc âm nhạc (Ambient music or advertising messaging software)	02040705
				6	Phần mềm dịch vụ nhắn tin di động (Mobile messaging service software)	02040706
				7	Phần mềm dịch vụ internet di động (Mobile internet services software)	02040707
				8	Phần mềm nhạc chuông (Ring tone software)	02040708
				9	Phần mềm tính cước	02040709
				10	Phần mềm phân phối	02040710
				11	Phần mềm điều khiển trung tâm cuộc gọi	02040711
				12	Phần mềm bưu chính chuyên phát	02040712
				13	Phần mềm chuyên ngành Thông tin và Truyền thông khác	02040713
			8		Phần mềm trong lĩnh vực Nông nghiệp	02040800
				1	Phần mềm quản lý đất đai, cây trồng, vật nuôi, thủy sản	02040801
				2	Phần mềm giám sát phục vụ các hoạt động nông nghiệp	02040802
				3	Phần mềm khác trong lĩnh vực Nông nghiệp	02040803
			9		Phần mềm trong lĩnh vực sản xuất Công nghiệp khác	02040900
				1	Phần mềm thiết kế hỗ trợ máy tính CAD	02040901

					(Computer aided design CAD software)	
				2	Phần mềm CAM hỗ trợ sản xuất bằng máy tính (Computer aided manufacturing CAM software)	02040902
				3	Phần mềm MES điều hành sản xuất (Manufacturing execution system MRS software)	02040903
				4	Phần mềm điều khiển mô tơ (Motor Drive Software)	02040904
				5	Phần mềm giám sát điện năng (Power Monitor Software)	02040905
				6	Phần mềm điều khiển logic lập trình (Programmable Logic Control Software)	02040906
				7	Phần mềm điều khiển công nghiệp (Industrial control software)	02040907
				8	Phần mềm khác trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp	02040908
			10		Phần mềm chuyên ngành Tài nguyên - môi trường	02041000
				1	Hệ thống thông tin địa lý (Geographic information system)	02041001
				2	Phần mềm tạo bản đồ (Map creation software)	02041002
				3	Phần mềm khí tượng (Meteorological control software)	02041003
				4	Phần mềm xử lý hình ảnh radar (Radar image treatment software)	02041004
				5	Phần mềm xử lý ảnh vệ tinh (Satellite image treatment software)	02041005

				6	Phần mềm quan trắc, giám sát, quản lý, xử lý sự cố môi trường, cảnh báo sớm thiên tai	02041006
				7	Phần mềm quản lý tài nguyên và môi trường (đất đai, khoáng sản...)	02041007
				8	Phần mềm tìm kiếm cứu hộ cứu nạn với sự hỗ trợ của vệ tinh (Cospas Sarsat Software)	02041008
				9	Phần mềm chuyên ngành Tài nguyên - môi trường khác	02041009
			11		Phần mềm chuyên ngành Du lịch (Phần mềm quản lý các cơ sở lưu trú/ khách sạn ...)	02041100
			12		Phần mềm thương mại điện tử	02041200
			13		Phần mềm chuyên ngành khác	02041300
		5			Phần mềm ứng dụng cho cá nhân, gia đình (Home Use Applications)	02050000
			1		Phần mềm giải trí điện tử (Entertainment software)	02050100
			2		Phần mềm gia đình (Family software)	02050200
			3		Phần mềm ứng dụng cho cá nhân, gia đình khác (Other home use applications)	02050300
		6			Phần mềm ứng dụng khác	02060000
	3				Nhóm Phần mềm công cụ	03000000
		1			Phần mềm môi trường phát triển (Development environment software)	03010000
		2			Phần mềm kiểm thử chương trình (Program testing software)	03020000

		3		Phần mềm biên dịch và dịch ngược (Compiler and decompiler software)	03030000
		4		Phần mềm quản lý cấu hình (Configuration management software)	03040000
		5		Phần mềm tích hợp ứng dụng doanh nghiệp (Enterprise application integration software)	03050000
		6		Phần mềm phát triển giao diện đồ họa người dùng (Graphical user interface development software)	03060000
		7		Phần mềm phát triển hướng thành phần hoặc đối tượng (Object or component oriented development software)	03070000
		8		Phần mềm phân tích yêu cầu và kiến trúc hệ thống (Requirements analysis and system architecture software)	03080000
		9		Phần mềm phát triển nền tảng web (Web platform development software)	03090000
		10		Phần mềm công cụ khác	03100000
	4			Nhóm Phần mềm tiện ích	04000000
		1		Phần mềm quản trị, quản trị từ xa	04010000
		2		Phần mềm sao lưu hoặc lưu trữ (Backup or archival software)	04020000
		3		Phần mềm chuyển đổi dữ liệu (Data conversion software)	04030000
		4		Phần mềm nén dữ liệu (Data compression software)	04040000
		5		Phần mềm chuyển văn bản thành giọng nói (Text	04050000

					to speech conversion software)	
		6			Phần mềm chuyển giọng nói thành văn bản (Speech to Text conversion software)	04060000
		7			Phần mềm quản trị nội dung (Content management software)	04070000
			1		Phần mềm quản lý tài liệu (Document management software)	04070100
			2		Phần mềm quản lý phiên bản tập tin (File versioning software)	04070200
			3		Phần mềm nhúng văn bản (Embedded text entry software)	04070300
			4		Phần mềm font chữ (Fonts software)	04070400
			5		Phần mềm quản lý tài liệu khác (Other document management software)	04070500
		8			Phần mềm nhận dạng, xử lý dữ liệu số	04080000
			1		Phần mềm nhận dạng giọng nói (Voice recognition software)	04080100
			2		Phần mềm nhận dạng chữ viết tay (Handwriting recognition software components)	04080200
			3		Phần mềm nhận dạng khuôn mặt (Facial recognition software)	04080300
			4		Phần mềm tải dữ liệu đa phương tiện (Storage media loading software)	04080400
			5		Phần mềm phân tích video dữ liệu lớn và thời gian thực	04080500
			6		Phần mềm nhận dạng, xử lý dữ liệu số khác	04080600

		9		Phần mềm điều khiển thiết bị	04090000
			1	Phần mềm máy chủ đĩa compact (Compact disc CD server software)	04090100
			2	Phần mềm đĩa compact CD hoặc DVD hoặc card âm thanh (Compact disc CD or DVD or sound card software)	04090200
			3	Phần mềm điều khiển Ethernet (Ethernet driver software)	04090300
			4	Phần mềm điều khiển card đồ họa (Graphics card driver software)	04090400
			5	Phần mềm điều khiển máy in (Printer driver software)	04090500
			6	Phần mềm bảo vệ màn hình (Screen saver software)	04090600
			7	Trình điều khiển bộ nhớ (Memory drivers)	04090700
			8	Trình điều khiển video (Video drivers)	04090800
			9	Phần mềm hệ cho thiết bị khác (Other Device drivers software)	04090900
		10		Phần mềm chữ ký số điện tử (Digital signature software)	04100000
		11		Phần mềm tiện ích khác	04110000
5				Các phần mềm khác	05000000